**Hoại thư sinh hơi**

1. **Đ-S có thân chung**
2. **Đặc điểm sinh học của VK gây hoại thư sinh hơi**
3. Là xoắn khuẩn
4. Sinh ngoại độc tố
5. Có nhiều type huyết thanh khác nhau
6. Là vi khuẩn yếm khí
7. **Các hiện tượng xảy ra trong hoại thư sinh hơi**
8. Hiện tượng thối rữa
9. Hiện tượng nhiễm độc
10. Hiện tượng tạo giả mạc
11. Hiện tượng phù nề tổ chức
12. **Các đặc điểm của độc tố của VK gây hoại thư sinh hơi**
13. Tan hồng cầu
14. Hoại tử tổ chức phần mềm
15. Phá huỷ tổ chức liên kết
16. Làm suy chức năng tim
17. **Tr/ch lâm sàng ở gđ sớm trong hoại thư sinh hơi**
18. Vết thương căng mép, có các vết xám
19. Chảy ra dịch đục nhạt và thối
20. Mạch nhanh, huyết áp chưa tụt
21. Mạch nhanh, huyết áp tụt và kẹt
22. **Chỉ định Garo chỉ trong các trường hợp sau:**
23. Đoạn chi bị dập nát không thể bảo tồn được
24. Garo để làm ngừng chảy máu ở vết thương phần mềm
25. Bn có sốc, garo để chống sốc
26. Vết thương mạch máu lớn, garo tạm thời để cầm máu
27. **Nguyên tắc xử lí vết thương phần mềm gồm**
28. Cắt lọc tổ chức phần mềm
29. Rạch rộng cân cho thoát dịch
30. Luôn để hở da hoàn toàn
31. Khâu da thật dày

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| S-Đ-Đ-Đ | Đ-Đ-S-Đ | Đ-Đ-Đ-Đ | Đ-Đ-Đ-S | Đ-S-S-Đ | Đ-Đ-S-S |

1. **MCQ thông thường**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **VK gây hoại thư sinh hơi thuộc loại** 2. Staphylococcus 3. Streptococcus 4. Pseudomonas 5. Clostridium | **D** |
| 1. **Thời gian nhiễm khuẩn theo Friedrich có mấy gđ** 2. 1 3. 2 4. 3 5. 4 | **C** |
| 1. **Trên thực tế lâm sàng, việc chẩn đoán hoại thư sinh hơi căn cứ vào** 2. Tr/ch lâm sàng ở gđ sớm 3. Soi tìm VK 4. Dựa vào kết quả nuôi cấy vk 5. Dựa vào phản ứng trùng hợp trên súc vật | **A** |
| 1. **Khi hoại thư sinh hơi còn khu trú, PT cần làm là:** 2. Cắt lọc, mở rộng vết thương, để hở da toàn bộ 3. Chỉ rạch mở rộng, để hở nhiều chỗ 4. Tháo khớp 5. Cắt cụt chi cao kiểu khoanh giò và để hở da hoàn toàn | **A** |
| 1. **Khi hoại thư sinh hơi ở đùi lan tới thành bụng** 2. Không can thiệp gì vì quá nặng 3. Tháo khớp háng 4. Rạch rộng nhiều chỗ và để hở 5. Cắt lọc mép vết thương | **C** |
| 1. **Đặc điểm của hoại thư sinh hơi, Trừ:** 2. Do VK kị khí gây bệnh 3. Diễn biến nhanh, tiên lượng nặng 4. Là cấp cứu có trì hoãn 5. Có dh tràn khí dưới da | **C** |
| 1. **Tổn thương chính trong hoại thư sinh hơi do** 2. Nội độc tố của VK 3. Ngoại độc tố của VK 4. Độc lực của VK 5. Khả năng kí sinh nội bào của VK | **B** |
| 1. **Tr/ch lâm sàng của hoại thư sinh hơi không bao gồm:** 2. Viêm tấy lan toả 3. Nhiễm trùng nhiễm độc toàn thân nặng 4. Vết thương tấy đỏ chảy dịch mủ viêm 5. Vết thương chảy dịch thối | **C** |
| 1. **Tr/ch LS phân biệt hoai thư sinh hơi với nhiễm trùng yếm khí** 2. Tình trạng toàn thân nhiễm độc nặng 3. Tại vết thương có tràn khí dưới da và chảy dịch thối 4. Tiến triển toàn thân và tại chỗ chậm 5. Viêm tấy chỉ có tính chất khu trú | **C** |
| 1. **Phẫu thuật cắt cụt chi trong hoại thư sinh hơi có đặc điểm:** 2. PT cắt cụt chi theo kiểu khoanh giò, đóng các lớp theo giải phẫu 3. PT tháo khớp vai đối với chi trên, khớp háng với chi dưới 4. Mỏm cụt da để hở 5. Cắt lọc phần mềm tiết kiệm | **C** |
| 1. **Dưới đây là biến đổi sinh hoá thường gặp trong hoại thư sinh hơi, Trừ** 2. Tăng ure, creatinin 3. Tăng GOP, GPT 4. Tăng billirubin 5. Tăng CRP | **C** |
| 1. **Nguyên tắc điều trị hoại thư sinh hơi** 2. Kết hợp điều trị kháng sinh và hồi sức 3. Kết hợp PT cắt cụt chi và hồi sức 4. Kết hợp giữa PT, điều trị thuốc và hồi sức 5. Điều trị PT và dùng kháng sinh theo KS đồ | **C** |
| 1. **Hoại thư sinh hơi có đặc điểm sau, Trừ** 2. Là 1 cấp cứu ngoại khoa tối cấp 3. Nguy cơ cắt cụt chi cao 4. Ít gây tàn phế chức năng chi 5. Không thể đề phòng | **C** |
| 1. **Hoại thư sinh hơi thường gặp do** 2. Tai nạn GT 3. Tai nạn LĐ 4. Vết thương do súc vật cắn 5. Tai nạn học đường | **C** |
| 1. **Biện pháp để phòng hoại thư sinh hơi trừ:** 2. Xử lí tốt vết thương phần mềm 3. Xử lí tốt gãy xương hở 4. Điều trị kháng sinh dự phòng cho các trường hợp có nguy cơ 5. Điều trị cách li bệnh nhân bị nhiễm trùng hoại thư sinh hơi | **A** |
| 1. **Dưới đây là các biện pháp có thể dùng điều trị hoại thư sinh hơi, TRỪ :** 2. Phẫu thuật cắt lọc rộng rãi, để hở da 3. Điều trị huyết thanh chống hoại thư sinh hơi 4. Điều trị kháng sinh chống VK đường uống 5. Hồi sức toàn thân | **C** |
| 1. **Tác nhân gây hoại thư sinh hơi thường gặp** 2. Clostridium Perfringens 3. Clostridium tetanus 4. Clostridium botulium 5. Clostridium septicemie | **A** |
| 1. **Thời kì nhiễm bệnh tiềm ẩn của hoại thư sinh hơi thường gặp** 2. Kéo dài trên 1 tuần 3. Rất ngắn 4. Khoảng 5 ngày 5. Dưới 1 tuần | **B** |